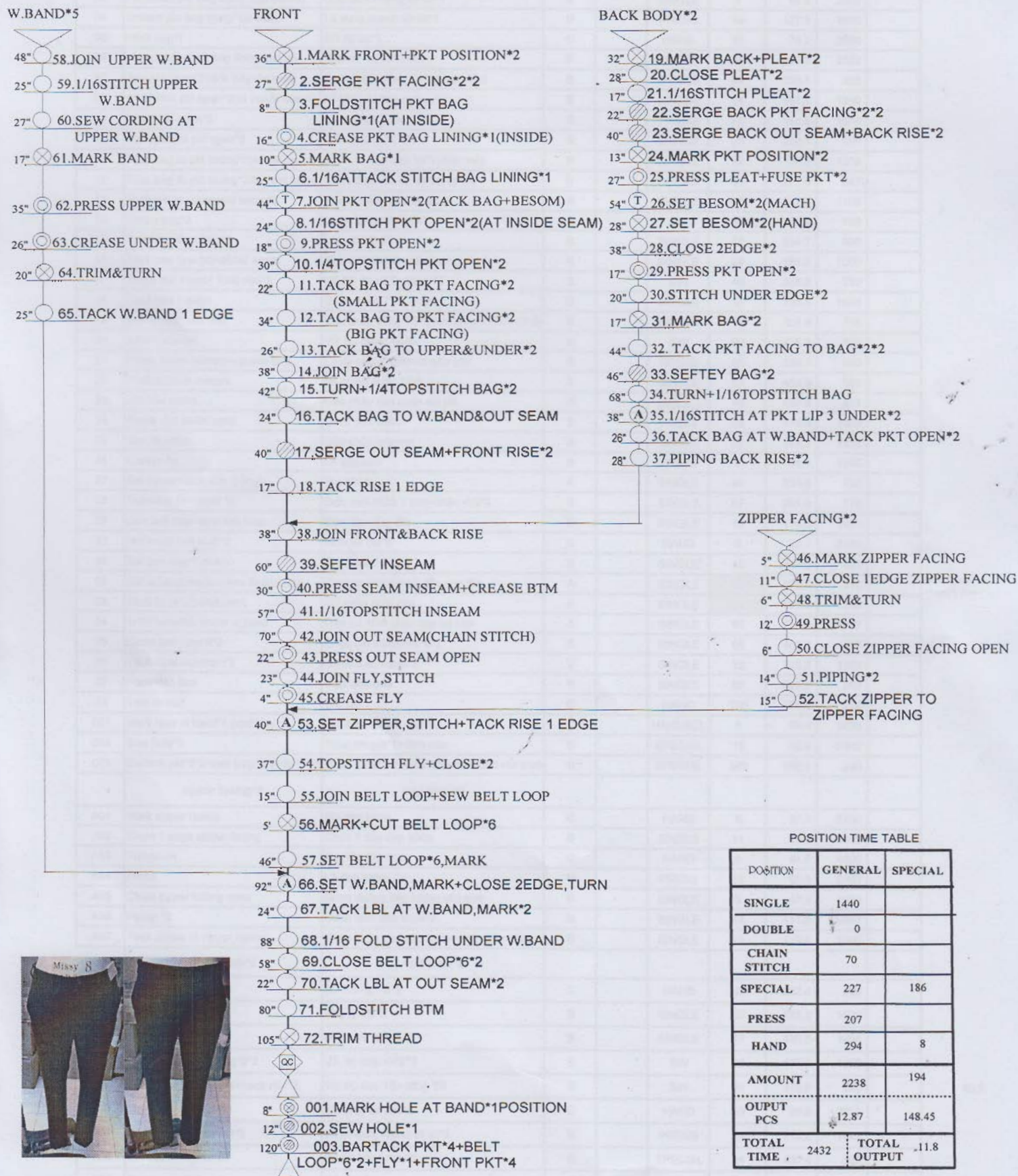


2/24

FLOW CHART OF G15-F015P

POSITION TIME TABLE

POSITION	GENERAL	SPECIAL
SINGLE	1440	
DOUBLE	0	
CHAIN STITCH	70	
SPECIAL	227	186
PRESS	207	
HAND	294	8
AMOUNT	2238	194
OUTPUT PCS	12.87	148.45
TOTAL TIME	2432	TOTAL OUTPUT 11.8

SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G15-F015P

DATE: 2015/07/24

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT: 12.87

# of NO Mã công việc	Operation Tên công đoạn	Grade Cấp	合縫記號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sản lượng	使用配件 及其他
01	Mark front& pkt position*2	SD TT+vị trí túi*2	C	HAND	36	267.1	800	
02	Serge pkt facing*2*2	VS 3C đáp túi trước*2*2	B	SW	27	215.2	1067	
03	Flodstitch pkt bag lining*1(at inside)	Gập điều miệng túi lót*1	B	SINGLE	8	63.8	3600	
04	Crease pkt bag lining*1(inside)	Là xung quanh túi lót*1	B	PRESS	16	127.5	1800	
05	Mark bag*1	SD lót túi*1	C	HAND	10	74.2	2880	
06	1/16attack stitch bag lining(inside)	Dán mí túi lót1/16	B	SINGLE	25	199.3	1152	
07	Join pkt open*2(tack bag+besom)	Cán chập miệng túi*2(theo mẫu)	B	SINGLE	44	350.7	655	
08	1/16Stitch pkt open*2(at inside seam)	Mí tăng cường miệng túi	B	SINGLE	24	191.3	1200	
09	Press pkt open*2	Là miệng túi trước*2	B	PRESS	18	143.5	1600	
10	1/4Topstitch pkt open*2	Điều miệng túi 1/4	B	SINGLE	30	239.1	960	
11	Tack bag to pkt facing*2(small pkt faci	Ghim lót vào đáp túi*2(đáp nhỏ)	B	SINGLE	22	175.3	1309	
12	Tack bag to pkt facing*2(big pkt facing	Ghim đáp vào lót túi*2(đáp to)	B	SINGLE	34	271.0	847	
13	Tack pkt to upper and under*2	Ghim miệng túi trên dưới	B	SINGLE	26	207.2	1108	
14	Safety bag*2	Quay lót túi*2(vs 5c)	B	SW	38	302.9	758	
15	Turn+topstitch bag*2	Lộn+mí lót túi	B	SINGLE	42	334.7	686	
16	Tack bag to w.band&out seam	Ghim lót túi trên cạp+sườn	B	SINGLE	24	191.3	1200	
17	Serge out seam+ front rise*2	VS 3C dọc TT+đứng TT	B	SW	40	318.8	720	
18	Tack rise 1 edge	Ghim đứng TT 1 đoạn	B	SINGLE	17	135.5	1694	
19	Join front&back rise	Cán chập đứng TS+ghim đứng 1 điểm cố định	B	SINGLE	38	302.9	758	
20	Safety inseam	VS 5C giàng quần	B	SW	60	478.2	480	
21	Press seam inseam+crease btm	Là lật giàng quần+là gập gấu	B	PRESS	30	239.1	960	
22	1/16topstitch inseam	Mí giàng quần 1/16	B	SINGLE	57	454.3	505	
23	Join out seam	Cán chập dọc quần chỉ tết	B	CHAIN STITCH	70	557.9	411	
24	Press out seam open	Là rẽ dọc quần	B	PRESS	22	175.3	1309	
25	Join fly, stitch	Cán chập moi+mí	B	SINGLE	23	183.3	1252	
26	Crease fly	Là gập moi	B	PRESS	4	31.9	7200	
27	Set zipper+tack rise 1 edge	Tra khóa	A	SINGLE	40	334.8	720	
28	Topstitch fly+close *2	Điều moi khóa 1 kim+chặn moi*2	B	SINGLE	37	294.9	778	
29	Join belt loop+sew belt loop	Cán đĩa+máy đĩa	B	SINGLE	15	119.6	1920	
30	Mark+cut belt loop*5	SD+cắt đĩa*6	C	HAND	5	37.1	5760	
31	Set belt loop*5,mark	Tra đĩa,sd*6	B	SINGLE	46	366.6	626	
32	Set w.band,mark+close 2edge,turn	Tra cạp,sd+chặn 2 đầu cạp,lộn	A	SINGLE	92	770.0	313	xem co chặn 2 đầu
33	Tack lbl at w.band,mark	SD ghim mác cạp	B	SINGLE	24	191.3	1200	
34	1/16Foldstitch under w.band	Gập mí 1/16 chặn cạp lọt khe	A	SINGLE	88	736.6	327	
35	Close belt loop*6*2	Chặn đĩa trên,dưới*6*2	B	SINGLE	58	462.3	497	
36	Tack lbl at outseam*2	Ghim mác sườn*2	B	SINGLE	22	175.3	1309	
37	Foldstitch btm	Gập điều gấu	B	SINGLE	80	637.6	360	
XZ	Trim thread	Cắt chỉ	C	HAND	105	779.1	274	
001	Mark hole at band*1 position	SD thừa khuyết cạp*1	C	HANDSCL	8	59.4	3600	
002	Sew hole*1	Thùa khuyết*1+định cúc	B	SPECIAL	12	95.6	2400	
003	Bartack pkt*2*2+belt loop*5*2+fly*1+fr	Đi bọ túi*2*2+bọ đĩa*6*2+bọ moi*1+túi trước	B	SPECIAL	120	956.4	240	
	zipper facing*2	Đáp khóa*2						
A01	Mark zipper facing	SD đáp khóa	C	HAND	5	37.1	5760	
A02	Close 1 edge zipper facing	Chặn 1 đầu đáp khóa	B	SINGLE	11	87.7	2618	
A03	Trim&turn	Gọt,lộn đáp khóa	C	HAND	6	44.5	4800	
A04	Press	Là đáp khóa	B	PRESS	12	95.6	2400	
A05	Close zipper facing open	Ghim miệng đáp khóa+xén sửa	B	SINGLE	6	47.8	4800	
A06	Piping *2	Cuốn viền đáp khóa*2	B	SINGLE	14	111.6	2057	
A07	Tack zipper to zipper facing	Ghim khóa vào đáp khóa+chặn viền khóa	B	SINGLE	15	119.6	1920	
	Back body*2	Thân sau*2						
B01	Mark back+pleat*2	SD TS+ly TS*2	C	HAND	32	237.4	900	
B02	Close pleat*2	Máy ly TS*2	B	SINGLE	28	223.2	1029	
B03	1/16stitch pleat*2	Mí ly TS/16*2	B	SINGLE	17	135.5	1694	
B04	Serge back pkt facing*2*2	VS 3C đáp túi*2*2	B	SW	22	175.3	1309	
B05	Serge back out seam+back rise*2	VS 3C dọc TS+đứng TS	B	SW	40	318.8	720	
B06	Mark pkt position*2	SD vị trí túi sau*2	C	HAND	13	96.5	2215	
B07	Press pleat+Fuse pkt*2	Là ly+mex vào vị trí túi*2	B	PRESS	27	215.2	1067	
B08	Set besom*2(mach)	Bổ túi bằng máy*2	B	SPECIAL	54	430.4	533	
B09	Set besom*2(hand)	Bổ túi bằng tay*2	C	HAND	28	207.8	1029	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD

SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G15-F015P

DATE: 2015/07/24

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT: 12.87

NO Mã công đoạn	Operation Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sản lượng	使用配件 及其他
B10	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu cơi túi*2	A		SINGLE	38	318.1	758	
B11	Press pkt open*2	Là miệng cơi túi sau*2	B		PRESS	17	135.5	1694	
B12	Stich under pkt*2	Mí cạnh dưới*2	B		SINGLE	20	159.4	1440	
B13	Mark bag*2	SD lót*2	C		HAND	17	126.1	1694	
B14	Tack pkt facing to bag*2*2	Ghim đắp túi vào lót*2*2	B		SINGLE	44	350.7	655	
B15	Safety bag*2	VS 5C lót túi	B		SINGLE	46	366.6	626	
B16	Turn+1/16topstitch bag	Lộn+Điều xung quanh lót túi 1/16	B		SINGLE	68	542.0	424	
B17	1/16 stitch at pkt lip 3 under*2	Mí 3 cạnh cơi túi*2	A		SINGLE	38	318.1	758	
B18	Tack bag to w.band+tack pkt open*2	Ghim túi trên cạp+ghim miệng túi	B		SINGLE	26	207.2	1108	
B19	Piping back rise*2	Cuốn viền đứng TS	B		SINGLE	28	223.2	1029	
	W.band*2	Cạp*2							
C01	Join upper w.band	Cán chập sống cạp	B		SINGLE	48	382.6	600	
C02	1/16stitch upper w.band	Mí tăng cường sống cạp 1/16	B		SINGLE	25	199.3	1152	
C03	Sew cording at upper w.band	Máy dây sống cạp	B		SINGLE	27	215.2	1067	
C04	Mark band	SD cạp	C		HAND	17	126.1	1694	
C05	Press upper w.band	Là sống cạp	B		PRESS	35	279.0	823	
C06	Crease under w.band	Là gấp Chấn cạp lót	B		PRESS	26	207.2	1108	
C07	Trim&turn	Chém sửa cạp(máy chém)	C		HAND	20	148.4	1440	
C08	Tack w.band 1edge	Ghim cạp 1 đường	B		SINGLE	25	199.3	1152	
TOTAL						2432	19335	11.8	



Position	GENERAL	SPECIAL			
Single	1440				
Double	0				
Chain stitch	70				
Special	227	186			
Press	207				
Hand	294	8			
Amount	2238	194			
Output (pcs)	12.87	148.45			
Total time	2432		Total out put		11.8

2,350

12.26

204

141.38

製表人: HUONG